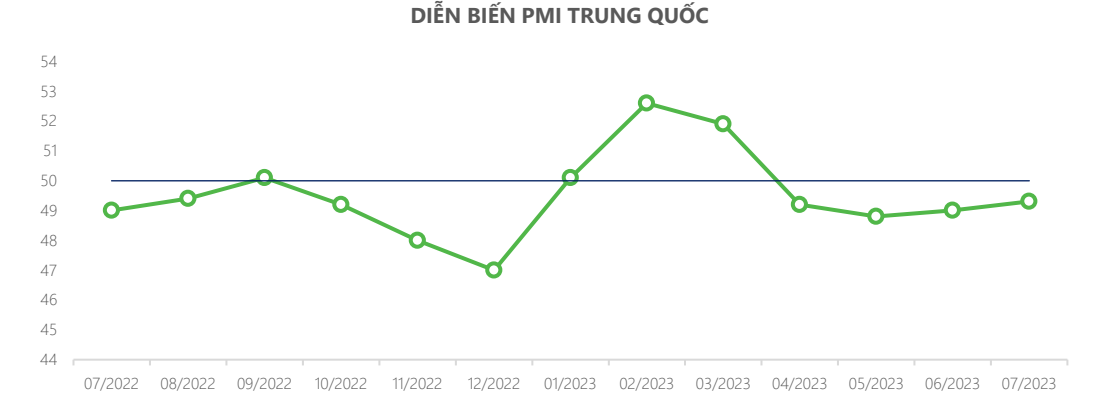


Điểm nhấn



Sự hồi phục chậm của chỉ số PMI tại Trung Quốc (Nguồn: National Bureau of Statistics of China)

- Quặng sắt (+3,2% DoD):** Giá quặng sắt tăng mạnh 3,2% đạt mức 112.5 USD/T sau khi Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBOC) thông báo hạ lãi suất cho vay kì hạn 1 năm nhằm hỗ trợ cho nền kinh tế, Ngoài ra, giá sắt cũng được hỗ trợ khi các nhà sản xuất thép Trung Quốc dự kiến sẽ không cắt giảm sản lượng từ đó giúp cho nhu cầu về sắt tăng lên.
- Dầu thô (-0,6% DoD):** Giá dầu sụt giảm nhẹ 0,6% về mức 79.64 USD/Bbl phản ánh những lo ngại về tình hình kinh tế Trung Quốc. Việc Bắc Kinh cắt giảm lãi suất không giảm bớt sự lo lắng về việc sụt giảm nhu cầu về nhiên liệu cũng như kì vọng tăng trưởng chậm tại nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới khi chỉ số PMI nước này hồi phục khá chậm.
- Bông (-1,1% DoD):** Giá bông tiếp tục quay đầu giảm 1,1% phản ánh những lo ngại về triển vọng của nền kinh tế. Ngoài ra sự sụt giảm này cũng cho thấy sự không chắc chắn của các nhà thu mua về sự phục hồi của ngành dệt may.

Ngành chú ý & đánh giá của Wetrade

Hàng hóa	Trend hàng hóa	Ngành đáng chú ý	Xu hướng giá cổ phiếu của ngành	Cổ phiếu đáng chú ý	Wetrade Ratings
Quặng sắt	Suy yếu	Tài nguyên cơ bản	Giảm mạnh	POM	D
				HPG	B
				NKG	D
Dầu thô	Tăng mạnh	Dầu khí	Suy yếu	BSR	D
				PVC	C
				PVD	B
Bông	Hồi phục	Hàng cá nhân & Gia dụng	Giảm mạnh	STK	B
				MSH	D
				HTG	C

Truy cập wetrade.dsc.com.vn để theo dõi hệ thống xếp hạng cổ phiếu

Chỉ số vĩ mô & thị trường chứng khoán & thị trường hàng hóa

CHỈ SỐ VĨ MÔ															
▲	Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M	▲	Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M
	Dollar Index	103.59	▲ 0.3%	Hồi phục	▲ 0.4%	▼ -1.0%			Baltic Dirty Index	802.00	▼ -0.1%	Suy yếu	▼ -37.1%	▼ -38.5%	
	S&P 500	4,388	▼ -0.3%	Suy yếu	▲ 4.6%	▲ 9.9%			Baltic Dry Index	1,194	▼ -2.4%	Hồi phục	▼ -12.5%	▲ 77.2%	
	US 10Y	4.33	▼ -0.2%	Tăng mạnh	▲ 16.5%	▲ 10.4%			BCOM index	103.94	▼ -0.3%	Suy yếu	▲ 3.0%	▼ -2.1%	
	VNIndex	1,180	▲ 0.0%	Suy yếu	▲ 10.3%	▲ 11.9%									

GIÁ HÀNG HÓA

NĂNG LƯỢNG

Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M
Dầu Brent	84.03	▼ -0.5%	Tăng mạnh	▲ 10.6%	▲ 4.4%	
Dầu WTI	79.64	▼ -0.6%	Tăng mạnh	▲ 10.5%	▲ 7.3%	
Khí tự nhiên	2.56	▼ -2.7%	Hồi phục	▲ 6.7%	▲ 11.4%	
Than	150.00	▲ 0.5%	Hồi phục	▼ -6.5%	▼ -28.5%	

NÔNG NGHIỆP

Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M
Bông	84.61	▼ -1.1%	Hồi phục	▼ -0.8%	▲ 3.3%	
Cao su	129.10	▲ 0.4%	Giảm mạnh	▼ -5.4%	▼ -7.5%	
Đường	23.40	▲ 0.0%	Suy yếu	▼ -10.0%	▲ 9.9%	
Gạo	15.49	▼ -0.2%	Hồi phục	▼ -8.0%	▼ -10.0%	
Heo hơi	58.60	▼ -0.2%	Suy yếu	▲ 3.4%	▲ 14.9%	
Ngô	466.50	▼ -0.6%	Suy yếu	▼ -18.3%	▼ -30.8%	

KIM LOẠI							CÔNG NGHIỆP								
▲	Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M	▲	Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M
	Quặng Sắt	112.50	▲ 3.2%	Suy yếu	▲ 6.1%	▼ -14.4%			Nhôm	2,182	▲ 1.8%	Suy yếu	▼ -3.8%	▼ -9.8%	
	Thép	3,686	▲ 0.6%	Giảm mạnh	▲ 1.6%	▼ -12.9%			Urea	415.00	▲ 0.0%	Hồi phục	▲ 16.2%	▲ 6.1%	
	Thép HRC	549.50	▼ -0.2%	Giảm mạnh	▼ -3.9%	▼ -14.3%									
	Vàng	1,897	▲ 0.2%	Suy yếu	▼ -3.7%	▲ 3.9%									

Lựa chọn hàng đầu

Tổng CTCP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí · 1D · HSX

O24.00 H24.30 L23.85 C23.95 -0.05 (-0.21%)

▼ 6



Biểu đồ giá của PVD (theo ngày)

Cổ phiếu Tổng CTCP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí – Hose**Xu hướng kỹ thuật**

Cổ phiếu PVD xuất hiện tín hiệu mở xu hướng giảm sau khi thủng nền giao dịch 1 tháng trước đó (nền hỗ trợ giá 25.5). Diễn biến giá tiệm cận về pivot xu hướng trung hạn (giá 23), ghi nhận lực cầu “đỡ giá” tạm thời; đây là ngưỡng cản xu hướng trong giai đoạn tích lũy từ T6.2022 – T6.2023.

Tín hiệu ngắn hạn: Vùng giá 23 đánh giá là ngưỡng hỗ trợ đáng tin cậy. Một số chỉ báo RSI và MACD đang tiệm cận những điểm cân bằng, áp lực bán kỳ vọng sớm tín hiệu chuyển lại. Song, đường trung bình động Ma điều chỉnh cho thấy quá trình điều chỉnh có thể kéo dài.

Khuyến nghị**THẨM DÒ**

- Điểm mua: giá 23.5
- Điểm quản trị rủi ro: giá 22.2
- Điểm mục tiêu: giá 25.5

Chiến lược mua: Mở điểm mua thăm dò tại nền hỗ trợ trung hạn với tỷ trọng thăm dò. Diễn biến giá kỳ vọng tích lũy đi ngang; xu hướng phục hồi nhanh ở mức xác suất thấp.

Thời gian giao dịch kỳ vọng 3-4 tuần

Điểm DSC		
Tăng trưởng	Giá trị	Đà tăng
C	D	D
Hành động		
Điểm mua	23	
Mục tiêu	25.5	
Cắt lỗ	22.2	
Reward/Risk	3.13	
Chỉ báo	Đánh giá	
MA	Điều chỉnh	
RSI	Giảm điểm	
MACD	Giảm điểm	
Mục tiêu		
Hỗ trợ (1)	23	
Hỗ trợ (2)	22	
Kháng cự (1)	25	
Kháng cự (2)	27	

Ảnh hưởng của hàng hóa tới các ngành

Chú thích: (*) Ảnh hưởng nhẹ (**) Ảnh hưởng trung bình (***) Ảnh hưởng mạnh

Hàng hóa	Tác động tích cực	Tác động tiêu cực
Dầu thô WTI Dầu thô Brent	Dầu khí (***); Điện nước & xăng dầu khí đốt (chế biến và trung chuyển khí)(***); Thực phẩm và đồ uống (Đường mía)(*)	Hàng & Dịch vụ công nghiệp (*); Du lịch và giải trí (Hàng không), Hóa chất (Nhựa đường)(**); Ô tô và phụ tùng (*); Hàng cá nhân & Gia dụng (Dệt may) (*)
Khí tự nhiên	Điện nước & xăng dầu khí đốt (chế biến và trung chuyển khí)(***)	Điện nước & xăng dầu khí đốt (Điện khí) (***); Hóa chất (Phân bón) (**)
Than	Than và nhiên liệu tiêu hao (***)	Điện nước & xăng dầu khí đốt (Điện than) (***); Hóa chất (Phân bón) (**); Tài nguyên cơ bản (**)
Vàng	Hàng cá nhân & Gia dụng (**)	-
Thép Thép HRC	Tài nguyên cơ bản (***)	Xây dựng và vật liệu (**)
Quặng sắt	-	Tài nguyên cơ bản (Thép) (***)
Cao su	Hóa chất (***)	Ô tô và phụ tùng (***)
Gạo	Thực phẩm và đồ uống (lương thực) (**)	Thực phẩm và đồ uống (chăn nuôi) (**)
Đường	Thực phẩm và đồ uống (Đường mía) (***)	-
Bông	Hàng cá nhân & Gia dụng (ngành sợi) (***)	Hàng cá nhân & Gia dụng (Dệt may) (**)
Lúa mì	-	Thực phẩm và đồ uống (Chăn nuôi và Bia) (***)
Heo hơi	Thực phẩm và đồ uống (chăn nuôi) (***)	-
Cá tra	Thực phẩm và đồ uống (thủy sản) (***)	-
Tôm	Thực phẩm và đồ uống (thủy sản) (***)	-
Urea	Hóa chất (phân bón) (***)	Thực phẩm và đồ uống (lương thực) (*)
Nhôm	Hóa chất (phân bón) (**)	Xây dựng và vật liệu (*)
Phot pho vàng	Hóa chất (**)	Hóa chất (phân bón) (**)

Tích cực: Giá hàng hóa tăng sẽ mang lại tác động có lợi cho ngành**Tiêu cực:** Giá hàng hóa tăng sẽ mang lại tác động bất lợi cho ngành